

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2022/DS-ST

Ngày: 8 - 9 -2022

*Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 8 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022 ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn N, xã Đồng T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1956.

Địa chỉ : Tổ Dân Phố 2, thị trấn N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 22/8/2019 bà D có cho ông Nguyễn Thế H vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Hẹn đến ngày 30/6/2020 ông H sẽ trả đủ gốc và lãi. Hai bên thỏa thuận lãi xuất là 1 %/ tháng. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhiều lần bà D đến nhà đôn đốc, yêu cầu ông H trả nợ cho bà, nhưng ông H chây ỳ không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà D.

Vì vậy bà đề nghị Toà án tuyên buộc ông Nguyễn Thế H phải thanh toán số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

+ Tiền lãi tính đến ngày 8/9/2022: $70.000.000đ \times 1\% \times 36 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 25.596.000đ$ (hai mươi lăm triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng) (làm tròn).

Tổng cộng cả gốc và lãi là 95.596.000đ (chín mươi lăm triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông H trả lãi quá hạn.

Việc vay nợ giữa ông H và bà D được thể hiện tại “ giấy vay tiền” viết ngày 22/8/2019. Bà D trình bày lý do bà không ký vào “giấy vay tiền” vì ông H là người vay tiền và là người tự viết giấy vay tiền nên như vậy là đủ căn cứ để chứng minh việc bà D cho ông H vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H trình bày:

Tính đến ngày 22/8/2019 ông có vay bà Nguyễn Thị D tổng cộng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Lãi suất 1%/ tháng, thời hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 30/6/2020. Việc vay nợ giữa ông và bà D là do ông H vay với tư cách cá nhân để giúp đỡ bạn bè, không liên quan đến gia đình, không phải là khoản nợ chung của gia đình ông. Đến nay ông H chưa trả được tiền nợ gốc và lãi cho bà D như đã thỏa thuận. Do kinh tế khó khăn, ông H đồng ý trả số tiền gốc như yêu cầu của bà D và xin toàn bộ tiền lãi, ông không có điều kiện để trả tiền cho bà D 01 (một) lần, ông có nguyện vọng được trả D mỗi năm là 20.000.000đ cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thế H trả nợ theo “ giấy vay tiền” ký kết vào ngày 22 tháng 8 năm 2019. Như vậy đây là vụ án về việc “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn là ông Nguyễn Thế H có nơi cư trú tại thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện ông Nguyễn Thế H yêu cầu ông H trả số tiền gốc và lãi 95.596.000đ, việc thỏa thuận vay nợ và lãi suất hàng tháng được thể hiện tại "giấy giấy vay tiền" có chữ ký của ông Nguyễn Thế H. Mặc dù không có chữ ký của người cho vay là bà Nguyễn Thị D, nhưng bà D và ông H đều khẳng định và công nhận “giấy vay tiền” này là đúng thực tế, bà D là người trực tiếp cho ông H vay tiền, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện, không bị ép buộc.

Đến thời hạn trả nợ, ông Nguyễn Thế H không thanh toán số tiền nợ như đã cam kết trong “ giấy vay tiền”, nên bà D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị D có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông H có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và lãi suất cho bà D cụ thể như sau:

+ Tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

+ Tiền lãi tính đến ngày 8/9/2022: $70.000.000đ \times 1\% \times 36 \text{ tháng } 17 \text{ ngày}$
= 25.596.000đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng) (làm tròn).

Tổng cộng cả gốc và lãi là 95.596.000đ (chín mươi lăm triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông H trả lãi quá hạn, nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Thế H là người cao tuổi, có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí theo quy định của pháp luật. Vì vậy căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn phần án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

- Buộc ông Nguyễn Thế H phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền cụ thể tính từ ngày 22/8/2019 đến ngày 8/9/2022, tổng tiền gốc và tiền lãi là 95.596.000đ (chín mươi lăm triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hằng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí có giá ngạch cho ông Nguyễn Thế H.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.292.000 (hai triệu, hai trăm chín hai nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai số AA/2021/ 0006568 ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T. Hóa
- Vks Triệu Sơn
- Các đương sự
- Chi cục THA DS
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh H Trần Xuân Anh

Lê Thị Thủy

